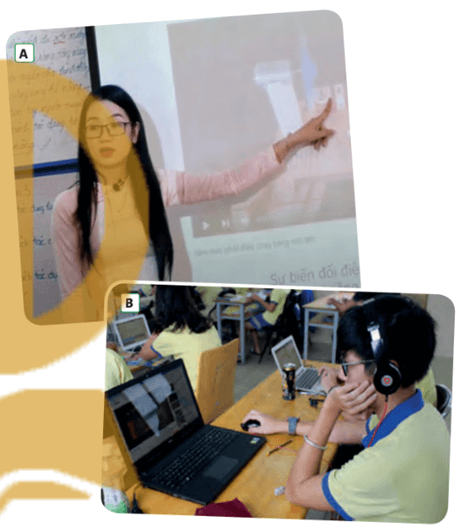
# Review Unit 5 (trang 71)

**Tiếng Anh 11 Review Unit 5 trang 71 - Friends Global**  
**Reading**  
**(trang 71 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article and choose the correct answers (A-C). (Đọc bài viết và chọn câu trả lời đúng (A-C)  
**Back in time**  
As she stepped into the hall after nearly thirty years of absence, she realised at once that she shouldn't have come back. The smell of wood smoke, damp stone and ancient paper brought the past back so powerfully that it nearly knocked her backwards. In an instant she felt like a young girl again, alone and frightened in the house. She remembered feeling very, very cold - not from the damp and the near-freezing temperature, but because a terrible new life was beginning. And she could do nothing to stop it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Quay ngược thời gian**  
Khi bước vào hội trường sau gần ba mươi năm vắng bóng, cô nhận ra ngay rằng lẽ ra mình không nên quay lại. Mùi khói củi, mùi đá ẩm và mùi giấy cổ mang quá khứ trở lại mạnh mẽ đến mức suýt đánh cô ngã ngửa. Trong khoảnh khắc, cô cảm thấy mình trở lại là một cô gái trẻ, cô đơn và sợ hãi trong nhà. Cô nhớ mình cảm thấy rất lạnh - không phải vì ẩm ướt và nhiệt độ gần như đóng băng, mà vì một cuộc sống mới khủng khiếp đang bắt đầu. Và cô không thể làm gì để ngăn chặn nó.  
1. What is true about the woman's feelings when she entered the house?  
A. She realised that she had missed her old home.  
B. She was happy to return to the house.  
C. She understood that coming back was a mistake.  
D. She was sad about the condition of the house.  
**Đáp án:** C  
**Giải thích:**  
Thông tin: “As she stepped into the hall after nearly thirty years of absence, she realised at once that she shouldn't have come back.” (Khi bước vào sảnh sau gần ba mươi năm vắng bóng, cô nhận ra ngay rằng lẽ ra mình không nên quay lại.)  
**Future home?**  
Every few years, trend-watchers tell us that the house of the future has arrived, and gadgets from science fiction films will soon be in every home in the country. So far they've been wrong - and after viewing the 'Home of the Future' exhibition, I suspect that they are still wrong. Why do I need a superintelligent fridge or an internet-surfing mirror? I would much rather see my face clearly in an ordinary bathroom mirror than try to surf the internet while I'm combing my hair! If only they could design a device to stop me killing all my houseplants. If they did that, then I might be interested!  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Ngôi nhà tương lai?**  
Cứ sau vài năm, những người theo dõi xu hướng lại cho chúng ta biết rằng ngôi nhà của tương lai đã đến và các thiết bị từ phim khoa học viễn tưởng sẽ sớm có mặt ở mọi gia đình trên cả nước. Cho đến nay họ đã sai - và sau khi xem triển lãm 'Ngôi nhà của Tương lai', tôi nghi ngờ rằng họ vẫn sai. Tại sao lại cần tủ lạnh siêu thông minh hay gương lướt internet? Tôi thà nhìn rõ khuôn mặt của mình trong một chiếc gương thông thường trong phòng tắm còn hơn là cố gắng lướt internet trong khi đang chải tóc! Giá như họ có thể thiết kế một thiết bị để ngăn tôi giết chết tất cả cây trồng trong nhà. Nếu họ làm vậy thì có thể tôi sẽ quan tâm!  
2. What was the writer's reaction to the exhibition?  
A. He found it very interesting.  
B. It reminded him of a science fiction film.  
C. He wanted to buy the gadgets online.  
D. He didn't see the use of many of the inventions.  
**Đáp án:** D  
**Giải thích:**  
Thông tin: “As she stepped into the hall after nearly thirty years of absence, she realised at once that she shouldn't have come back.” (Khi bước vào sảnh sau gần ba mươi năm vắng bóng, cô nhận ra ngay rằng lẽ ra mình không nên quay lại.)  
  
**Listening**  
**(trang 71 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You will hear a conversation between two friends about smartphones. Are the sentences true (T) or false (F)? You will hear the recording twice. (Bạn sẽ nghe một đoạn hội thoại giữa hai người bạn về điện thoại thông minh. Các câu đúng (T) hay sai (F)? Bạn sẽ nghe đoạn ghi âm hai lần)  
Track 2-27  
1. Sal paid too much for her phone.  
2. Sal’s parents encouraged her to get a new phone.  
3. Tim is not happy with his sister’s use of her phone.  
4. Sal’s family avoid using their phones at dinner.  
5. Sal does not like talking when she’s eating.  
6. Tim could cause a problem by using his phone.  
7. Sal advises Tim not to listen to music on his phone.  
8. Tim disagrees with Sal's suggestion.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Sal đã trả quá nhiều tiền cho chiếc điện thoại của mình.  
2. Cha mẹ Sal khuyến khích cô mua một chiếc điện thoại mới.  
3. Tim không hài lòng với việc em gái anh ấy sử dụng điện thoại.  
4. Gia đình Sal tránh sử dụng điện thoại trong bữa tối.  
5. Sal không thích nói chuyện khi đang ăn.  
6. Tim có thể gây rắc rối khi sử dụng điện thoại.  
7. Sal khuyên Tim không nên nghe nhạc trên điện thoại.  
8. Tim không đồng ý với đề nghị của Sal.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. F  
  
  
2. F  
  
  
3. T  
  
  
4. T  
  
  
  
  
5. F  
  
  
6. T  
  
  
7. F  
  
  
8. F  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
T You’ve got a new smartphone, Sal! Can I have a look at it?  
S Yes, of course, Tim. I got it for a good price, and it’s great for social networking. My parents didn’t want me to buy it, though. They keep telling me I spend too much time on my phone already, and this one has even more things to keep me busy!  
T You know, I sort of understand their point. I wish my sister would put her phone down once in a while. She even uses it at the dinner table, and it drives us all crazy! She never hears what we’re saying, or talks to us.  
S Yeah, some of my friends are like that. It is frustrating. Anyway, my parents don’t let anyone bring their phone to the dinner table.  
T Really?  
S Yeah, it’s good because we really do talk about a lot of important things while we’re eating. If our phones were on, we probably wouldn’t communicate at all.  
T Well, my mum thinks the MP3 player on my phone is bad for me, so she only lets me use it for an hour a day. She says it’s going to damage my hearing.  
S You do have the volume up very high. I’ve heard it from across the room. Maybe you could make a deal with your mum. Say you’ll agree to play music much more quietly if you can use the MP3 player more often.  
T That’s a good idea. Thanks! Hey, can you show me what games you have on your phone?  
**Hướng dẫn dịch:**  
T Bạn có điện thoại mới kìa Sal! Cho tôi xem được không?  
S Được, tất nhiên rồi, Tim. Tôi đã mua nó với giá tốt và nó rất tuyệt cho mạng xã hội. Tuy nhiên, bố mẹ tôi không muốn tôi mua nó. Họ liên tục nói với tôi rằng tôi đã dành quá nhiều thời gian dùng điện thoại của mình rồi, và chiếc điện thoại này thậm chí còn có nhiều thứ hơn để khiến tôi bận rộn!  
T Bạn biết đấy, tôi phần nào hiểu được suy nghĩ của họ. Tôi ước chị tôi thỉnh thoảng đặt điện thoại xuống. Chị ấy thậm chí còn sử dụng nó trên bàn ăn tối, và nó khiến tất cả chúng tôi phát cáu! Chị ấy không bao giờ nghe những gì chúng tôi đang nói, hoặc nói chuyện với chúng tôi.  
S Ừ, một số bạn bè của tôi cũng như vậy. Thật là bực bội. Dù sao đi nữa, bố mẹ tôi không cho phép bất cứ ai mang điện thoại của họ lên bàn ăn tối.  
T Thật sao?  
S Đúng vậy, thật tốt vì chúng tôi thực sự nói về rất nhiều điều quan trọng trong khi ăn. Nếu điện thoại của chúng tôi mở, có lẽ chúng tôi chẳng giao tiếp với nhau mất.  
T Chà, mẹ tôi nghĩ rằng máy nghe nhạc MP3 trên điện thoại của tôi không tốt cho tôi, vì vậy mẹ chỉ cho tôi sử dụng nó một giờ mỗi ngày. Bà ấy nói nó sẽ làm hỏng thính giác của tôi.  
S Hẳn là bạn đã tăng âm lượng lên rất cao. Đến tôi còn nghe thấy nó từ bên kia phòng. Có lẽ bạn có thể thực hiện một thỏa thuận với mẹ của bạn. Kiểu bạn sẽ bật nhạc nhỏ đi nếu bạn được sử dụng máy nghe nhạc MP3 thường xuyên hơn chẳng hạn.  
T Ý hay đấy. Cảm ơn nha! Này, có thể cho tôi biết bạn có những trò chơi nào trên điện thoại của bạn không?  
  
**Speaking**  
**(trang 71 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Work in pairs. Take turns to describe and compare the photos. Then ask and answer the following questions. (Làm việc theo cặp. Thay phiên nhau mô tả và so sánh các bức ảnh. Sau đó hỏi và trả lời các câu hỏi sau)  
1. Do you agree that in the modern world, science is a more important subject than languages? Give reasons.  
2. Do you think technology sometimes makes it harder for people to communicate with each other? Why? / Why not?  
  
**Gợi ý:**  
A: Do you think technology sometimes makes it harder for people to communicate with each other? Why?  
B: Yes, technology can sometimes make it harder for people to communicate because it can create misunderstandings, cultural differences, and language barriers. Additionally, technology can also create some places where people only interact with like-minded individuals and ignore diverse perspectives, leading to polarization and division.  
A: Do you agree that in the modern world, science is a more important subject than languages? Give reasons.  
B: Both science and languages are important subjects in the modern world, and they play different roles. Science helps us understand the natural world, solve problems, and create new technologies, while languages facilitate communication and understanding among people from different cultures and backgrounds. The importance of each subject depends on one's personal and professional goals, interests, and needs.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn có nghĩ rằng công nghệ đôi khi khiến mọi người khó giao tiếp với nhau hơn không? Tại sao?  
B: Đúng vậy, công nghệ đôi khi có thể khiến mọi người khó giao tiếp hơn vì nó có thể tạo ra sự hiểu lầm, khác biệt về văn hóa và rào cản ngôn ngữ. Ngoài ra, công nghệ cũng có thể tạo ra các nơi nơi mà mọi người chỉ tương tác với những cá nhân có cùng chí hướng và bỏ qua các quan điểm đa dạng, dẫn đến sự phân cực và chia rẽ.  
A: Bạn có đồng ý rằng trong thế giới hiện đại, khoa học là một môn học quan trọng hơn ngôn ngữ không? Đưa ra lý do.  
B: Cả khoa học và ngôn ngữ đều là những môn học quan trọng trong thế giới hiện đại và chúng đóng những vai trò khác nhau. Khoa học giúp chúng ta hiểu thế giới tự nhiên, giải quyết vấn đề và tạo ra công nghệ mới, trong khi ngôn ngữ tạo điều kiện giao tiếp và hiểu biết giữa những người từ các nền văn hóa và nguồn gốc khác nhau. Tầm quan trọng của mỗi môn học phụ thuộc vào mục tiêu, sở thích và nhu cầu cá nhân và nghề nghiệp của mỗi người.  
  
**Writing**  
**(trang 71 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You recently bought a new smartphone. Write a forum post (150-180 words) in which you (Gần đây bạn đã mua một chiếc điện thoại thông minh mới. Viết một bài đăng trên diễn đàn (150-180 từ) trong đó bạn)  
\* describe the smartphone and some of its features.  
\* compare it with another smartphone you have used.  
\* give your overall opinion of the smartphone.  
\* present the opinions of people who think teenagers use Smartphones too much.  
**Gợi ý:**  
Hello everyone,  
I recently purchased the Samsung Galaxy S21 and have been impressed with its features. The phone boasts a 6.2-inch dynamic AMOLED display, which is perfect for watching videos and playing games. The camera is also top-notch, with a 64-megapixel rear camera and 10-megapixel front camera, making it ideal for capturing high-quality photos and videos.  
In comparison to my previous phone, the iPhone XR, the Samsung Galaxy S21 has a more vibrant and colorful display. The camera quality is also superior, especially in low light conditions. Another advantage of the Samsung phone is its longer battery life, which can last up to a full day with moderate usage.  
Overall, I'm quite satisfied with my purchase of the Samsung Galaxy S21. It's a reliable and high-performance smartphone that meets all my needs.  
However, there are some people who think that teenagers use smartphones too much. While I understand their concern, I believe that it's up to individuals to regulate their own usage. Smartphones can be a valuable tool for learning and communication, as long as they are used responsibly. It's important to set boundaries and limit screen time, but completely banning smartphones is not a practical solution.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Xin chào tất cả mọi người,  
Gần đây tôi đã mua Samsung Galaxy S21 và rất ấn tượng với các tính năng của nó. Điện thoại tự hào có màn hình AMOLED động 6,2 inch, hoàn hảo để xem video và chơi trò chơi. Máy ảnh này cũng thuộc loại hàng đầu, với camera sau 64 megapixel và camera trước 10 megapixel, lý tưởng để chụp ảnh và quay video chất lượng cao.  
So với điện thoại trước đây của tôi là iPhone XR, Samsung Galaxy S21 có màn hình sống động và nhiều màu sắc hơn. Chất lượng camera cũng vượt trội hơn, đặc biệt là trong điều kiện ánh sáng yếu. Một ưu điểm khác của điện thoại Samsung là thời lượng pin dài hơn, có thể kéo dài cả ngày với mức sử dụng vừa phải.  
Nhìn chung, tôi khá hài lòng với việc mua Samsung Galaxy S21. Đó là một chiếc điện thoại thông minh đáng tin cậy và có hiệu suất cao, đáp ứng mọi nhu cầu của tôi.  
Tuy nhiên, có một số người cho rằng thanh thiếu niên sử dụng điện thoại thông minh quá nhiều. Mặc dù tôi hiểu mối lo ngại của họ nhưng tôi tin rằng việc điều chỉnh việc sử dụng của riêng mình là tùy thuộc vào từng cá nhân. Điện thoại thông minh có thể là một công cụ có giá trị cho việc học tập và liên lạc, miễn là chúng được sử dụng một cách có trách nhiệm. Điều quan trọng là đặt ra ranh giới và giới hạn thời gian sử dụng thiết bị, nhưng cấm hoàn toàn điện thoại thông minh không phải là giải pháp thiết thực.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 5A. Vocabulary (trang 60, 61)**  
**Unit 5B. Grammar (trang 62)**  
**Unit 5C. Listening (trang 63)**  
**Unit 5D. Grammar (trang 64)**  
**Unit 5E. Word Skills (trang 65)**  
**Unit 5F. Reading (trang 66, 67)**  
**Unit 5G. Speaking (trang 68)**  
**Unit 5H. Writing (trang 69)**  
**Unit 5I. Culture (trang 70)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists